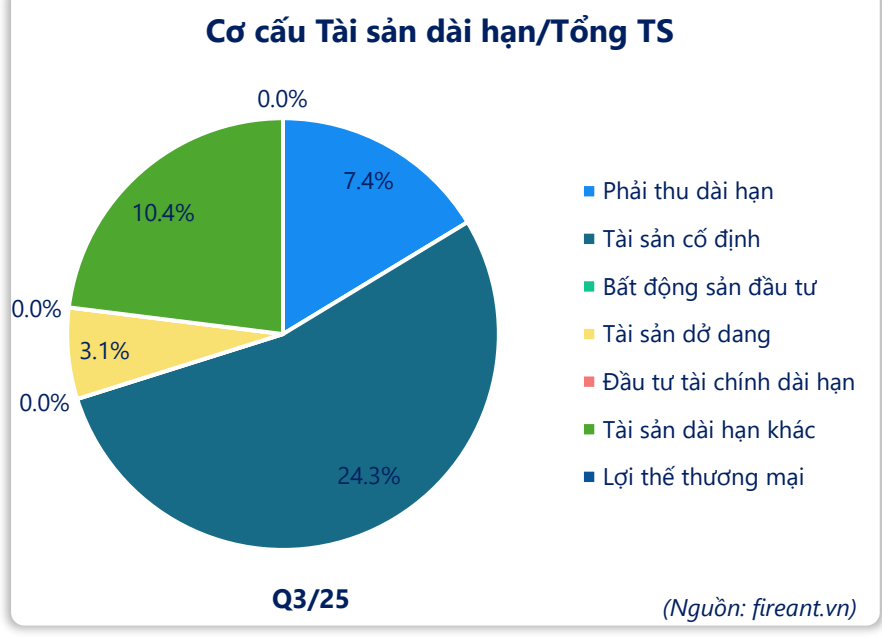
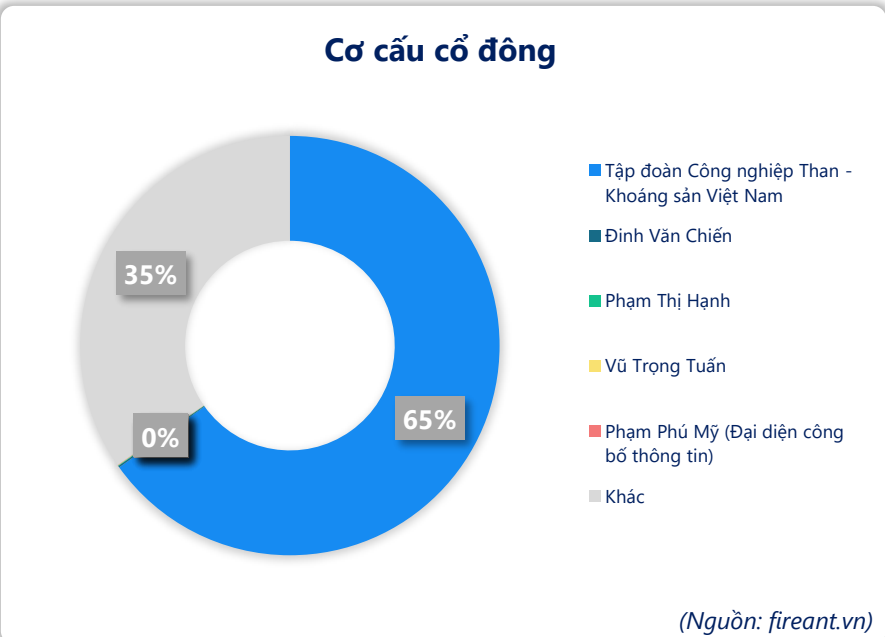
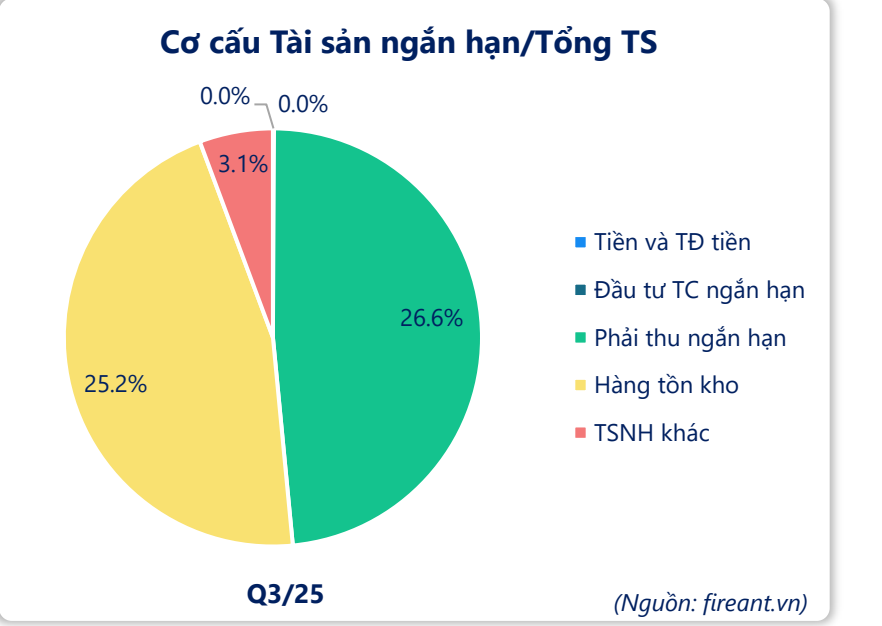
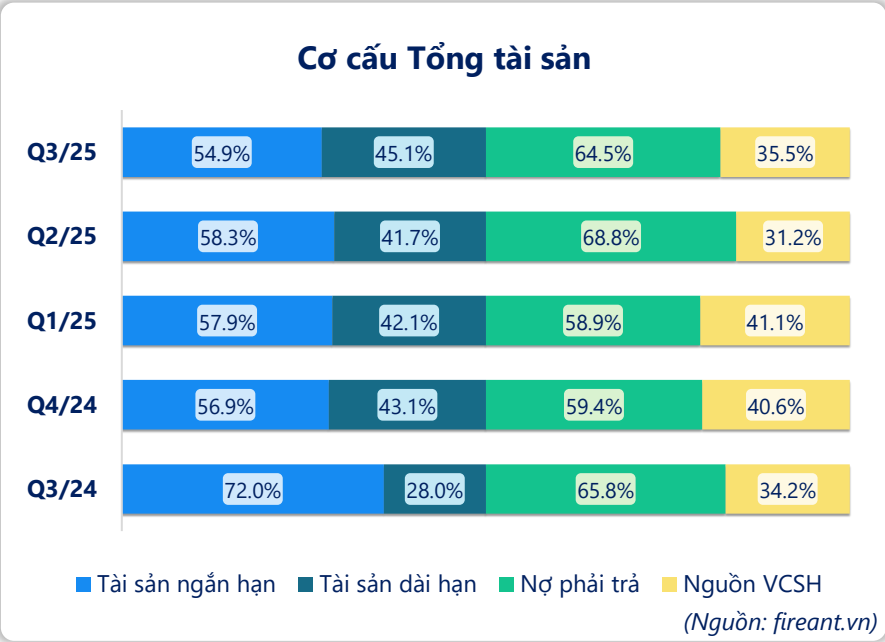
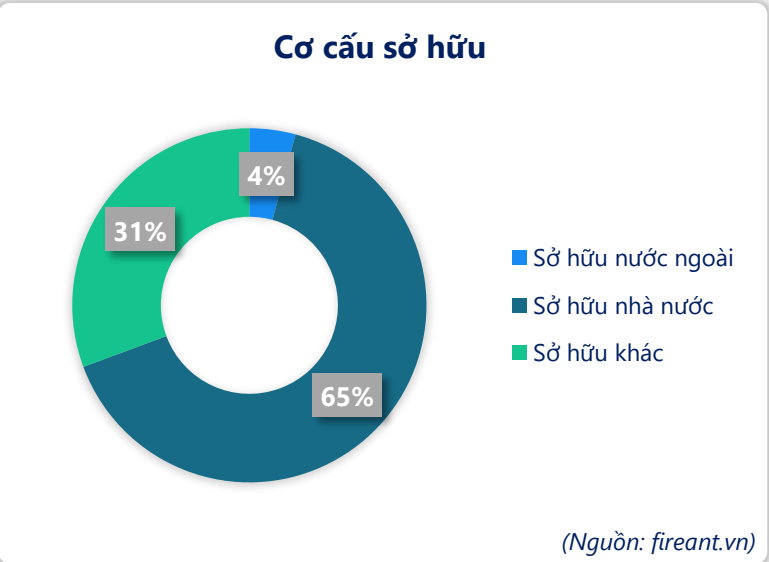
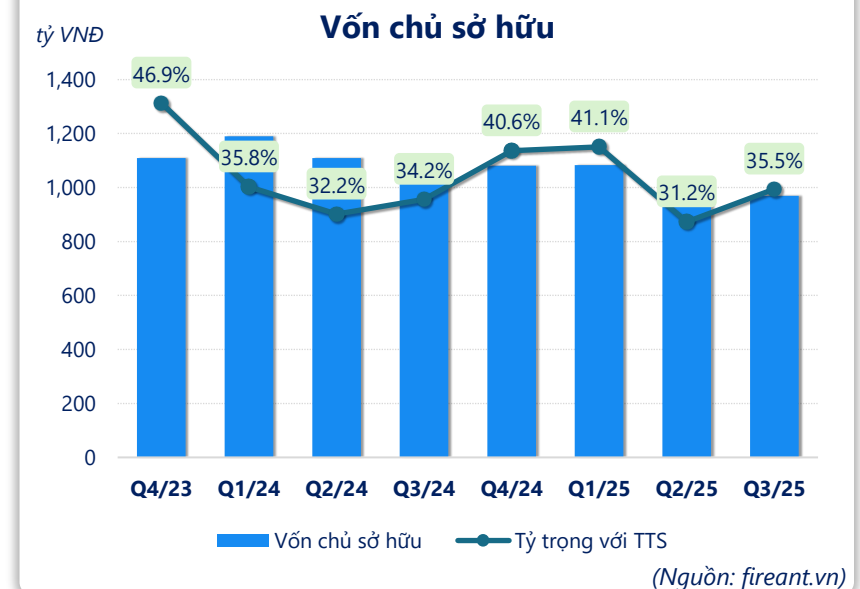
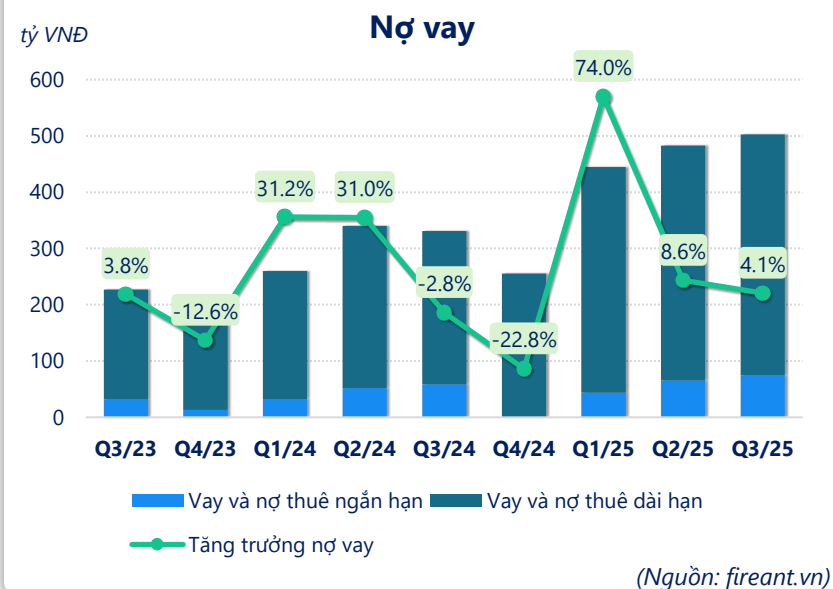
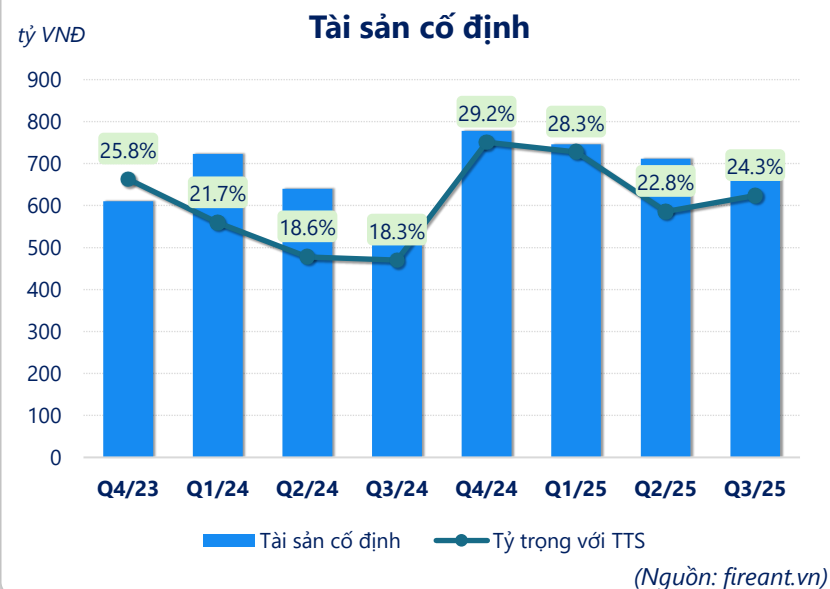
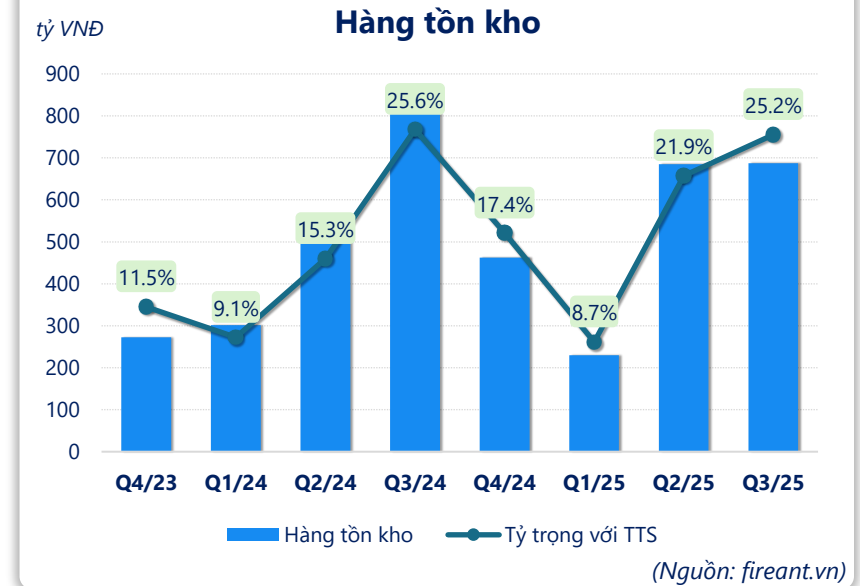
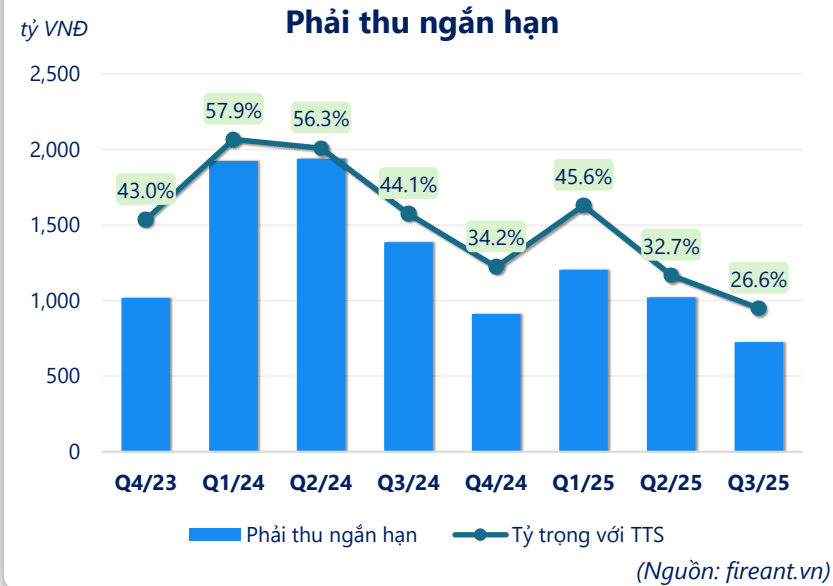
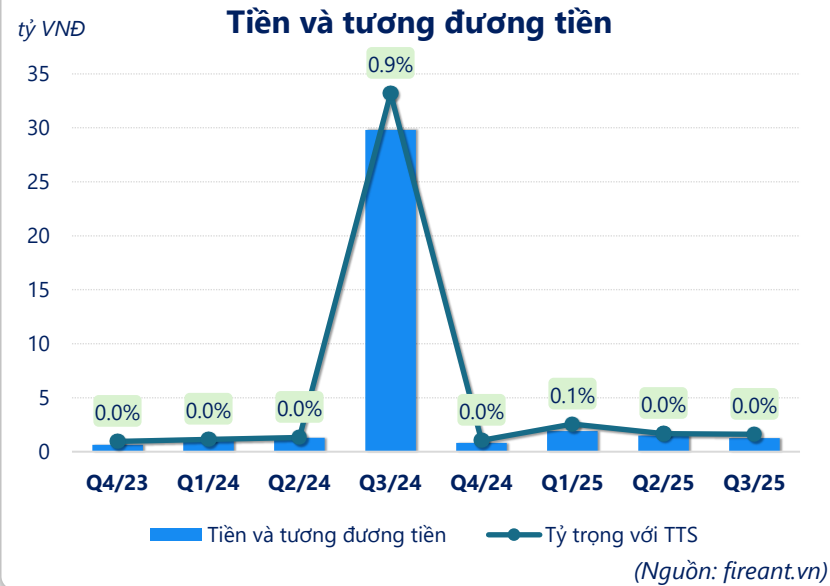
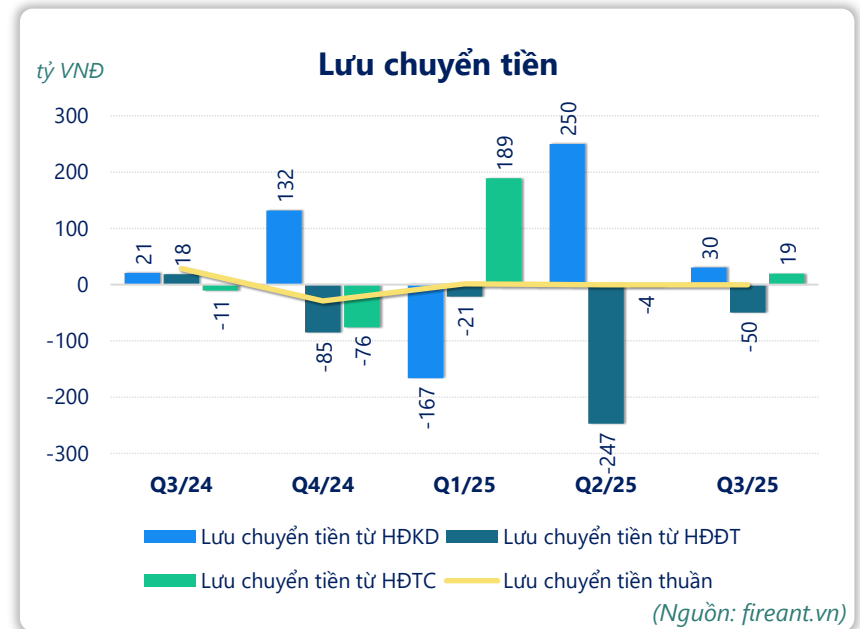
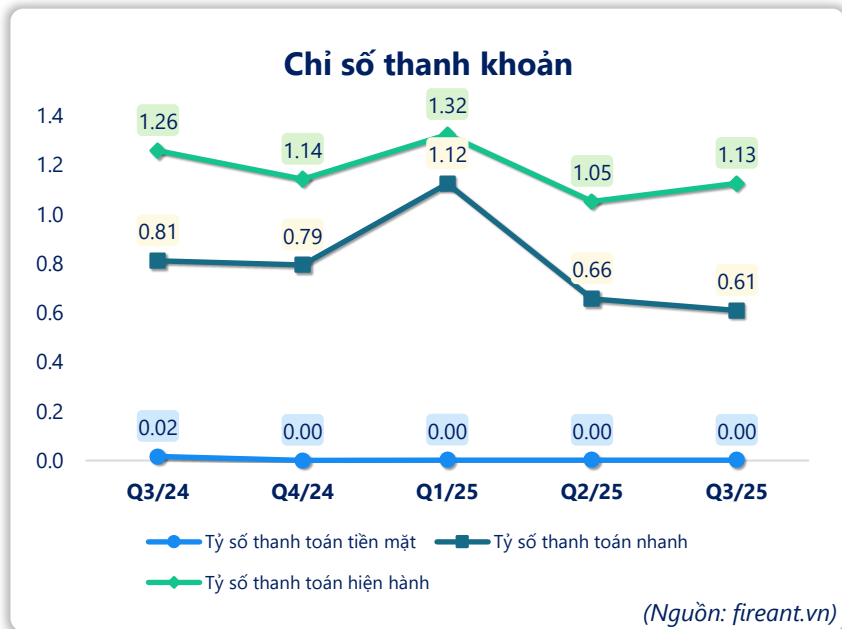
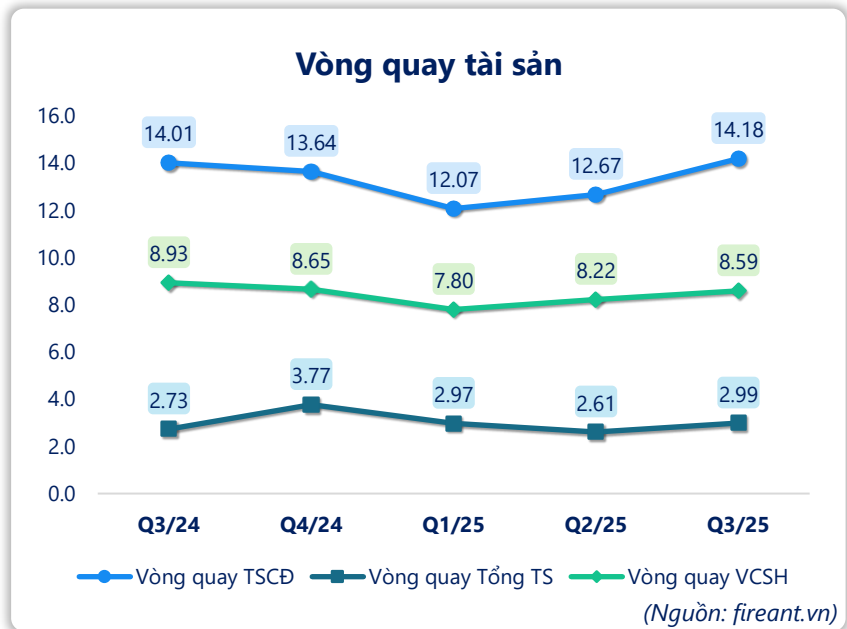
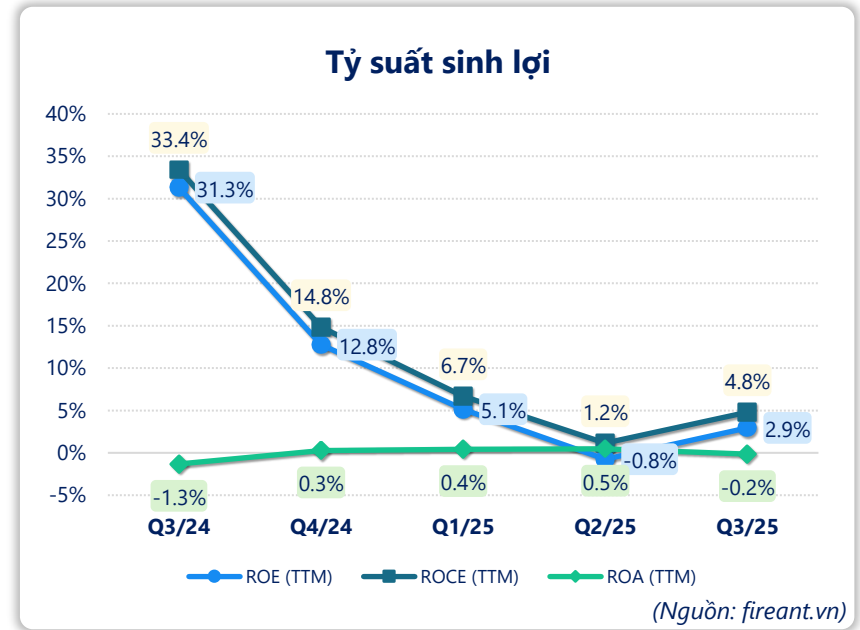
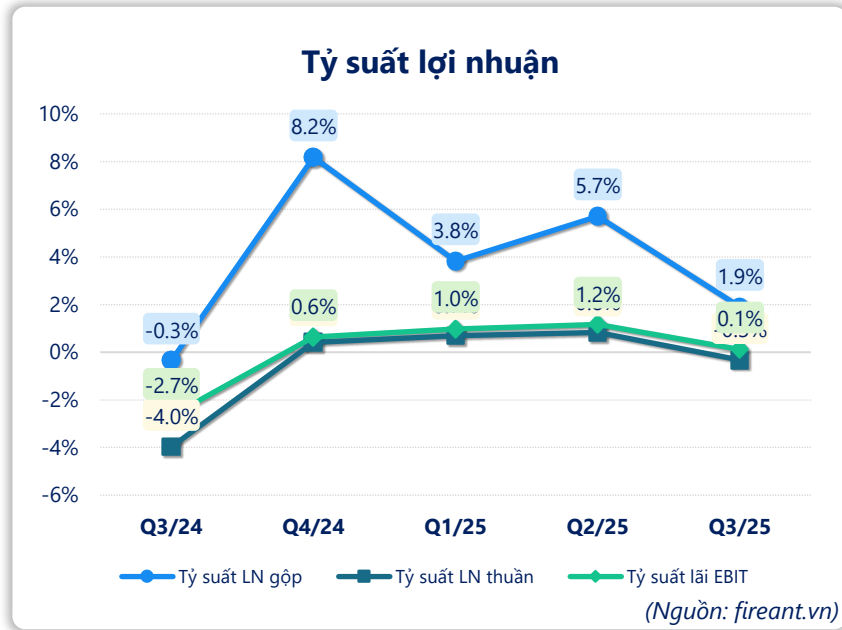
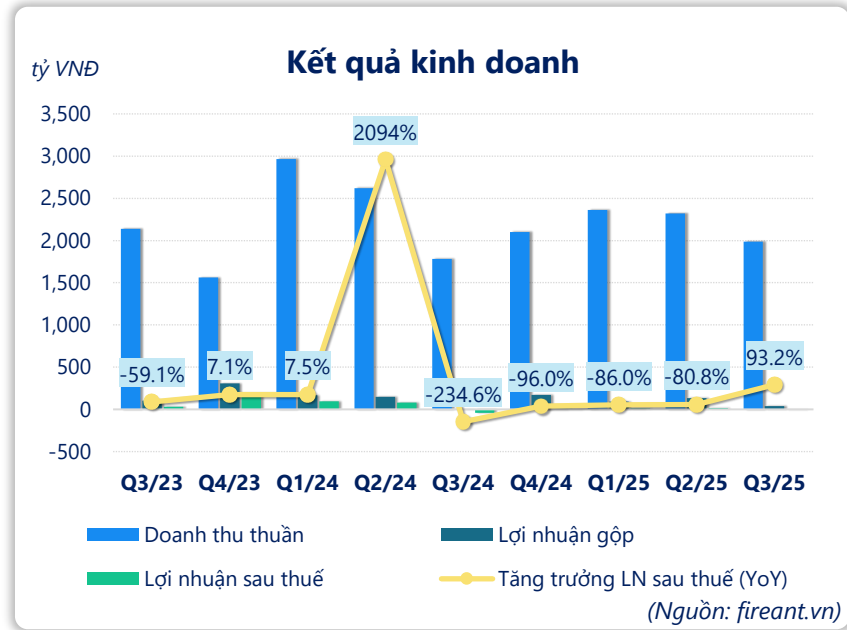


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)		23,665
% sở hữu nước ngoài		4.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		608
P/E		20.2
EPS		702

	YTD	1T	3T	6T
CST	-37.1%	-5.3%	-9.0%	-35.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,729	2,651	2.9%
Tài sản ngắn hạn	1,499	1,499	0.0%
Tiền và tương đương tiền	1.25	0.80	55.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	726	892	-18.6%
Hàng tồn kho	687	462	48.6%
Tài sản ngắn hạn khác	85.3	144	-40.7%
Tài sản dài hạn	1,230	1,153	6.7%
Phải thu dài hạn	201	191	5.0%
Tài sản cố định	662	783	-15.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	84.0	27.3	208%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	283	151	87.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,760	1,581	11.3%
Nợ ngắn hạn	1,332	1,325	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.6	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	450	899	-49.9%
Nợ dài hạn	428	255	67.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	428	255	67.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	969	1,071	-9.5%
Vốn chủ sở hữu	969	1,071	-9.5%
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,782	2,100	2,360	2,320	1,987
Giá vốn hàng bán	1,789	1,928	2,270	2,188	1,950
Lợi nhuận gộp	-6.17	172	90.2	132	37.9
Doanh thu HĐTC	1.43	1.43	1.49	1.52	1.54
Chi phí TC	5.87	4.85	7.11	7.51	7.99
Chi phí lãi vay	5.87	4.85	7.11	7.51	7.99
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.91	1.69	1.03	1.01	0.81
Chi phí QLDN	59.2	158	67.2	106	37.1
LN thuần từ HĐKD	-70.8	8.73	16.4	19.3	-6.49
Lợi nhuận khác	17.4	-0.18	-0.37	0.26	0.87
LN trước thuế	-53.4	8.55	16.0	19.5	-5.62
Lợi nhuận sau thuế	-42.8	6.69	12.7	15.6	-4.91
LNST của CĐ cty mẹ	-42.8	6.69	12.7	15.6	-4.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.0	132	-167	250	30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.4	-85.2	-21.2	-247	-49.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.8	-75.7	189	-3.65	19.5
Tiền đầu kỳ	1.30	29.8	0.80	1.92	1.50
Lưu chuyển tiền thuần	28.5	-29.0	1.12	-0.42	-0.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.8	0.80	1.92	1.50	1.25

(Nguồn: fireant.vn)